TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110**/2022/DS-ST
Ngày 16 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sơn

Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/8/2022 và ngày 16/9/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản" thụ lý số 16/2022/TLST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2022/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết N, địa chỉ: XX, ấp G, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Bà Ngô Thị Đ, địa chỉ: ấp G1, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N trình bày: Bà N làm chủ hụi, bà Đ là hụi viên tham gia 05 dây hụi, sau khi hốt hui xong thì bà Đ không đóng hụi chết đầy đủ cho chủ hụi nên bà N phải đóng thay, cụ thể như sau: Dây 01 hụi mùa (04 tháng khui một lần) 2.000.000 đồng, mở ngày 15/7/2009 âm lịch, có 21 phần, bà Đ tham gia 01 phần (để tên trong danh sách hụi là Q) bà Đ hốt hụi ở lần khui thứ 9, sau khi hốt hụi có đóng hụi chết được 09 lần, còn lại 03 lần hụi chết bà Đ không đóng số tiền 6.000.000 đồng, bà N phải đóng thay cho số tiền này, nên bà Đ còn nợ của bà N 6.000.000 đồng; Dây 02 hụi mùa (04 tháng khui một lần) 2.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2009 âm lịch, có 17 phần, bà Đ tham gia 02 phần (để tên Q), phần 1 bà Đ hốt hụi ở lần khui thứ 2 và đóng hụi chết được 14 lần, còn lại 01 lần bà

N phải đóng thay 2.000.000 đồng, phần 2 bà Đ hốt hụi ở lần khui thứ 4 và đóng hụi chết được 12 lần, còn lại 01 lần bà N phải đóng thay 2.000.000 đồng, dây hụi này bà Đ còn nợ bà N 4.000.000 đồng; Dây 03 hụi mùa (04 tháng khui một lần) 5.000.000 đồng, mở ngày 15/7/2012 âm lịch, có 15 phần, bà Đ tham gia 01 phần, bà Đ hốt hụi ở lần khui đầu tiên và đóng hụi chết được 08 lần nhưng không đóng không đầy đủ (lần 2 còn thiếu 1.000.000 đồng, lần 4 còn thiếu 1.000.000 đồng, lần 6 còn thiếu 3.500.000 đồng, lần 7 còn thiếu 1.000.000 đồng) và còn lại 06 lần cuối bà Đ không đóng số tiền 30.000.000 đồng, bà N phải đóng thay nên bà Đ còn nợ bà N của dây hụi này là 36.500.000 đồng; Dây 4 hụi nữa tháng khui một lần 500.000 đồng, mở ngày 30/8/2013 âm lịch, có 34 phần, bà Đ tham gia 02 phần, phần 1 bà Đ hốt hụi ở lần khui thứ 5 và đóng hụi chết được 24 lần, còn lại 05 bà N phải đóng thay 2.500.000 đồng, phần 2 bà Đ hốt hụi ở lần khui thứ 6 và đóng hụi chết được 23 lần, còn lại 05 lần bà N phải đóng thay 2.500.000 đồng, dây hụi này bà Đ còn nợ bà N 5.000.000 đồng; Dây 5 hụi nữa tháng khui một lần 500.000 đồng, mở ngày 30/8/2013 âm lịch, có 34 phần, bà Đ tham gia 01 phần và hốt hụi ở lần khui thứ 2, đóng hụi chết được 29 lần, còn lại 03 lần hụi chết bà Đ đóng không đầy đủ, 01 lần còn thiếu lại 400.000 đồng và 02 lần bà Đ không đóng 1.000.000 đồng, bà N phải đóng thay nên dây hụi này bà Đ còn nợ bà N 1.400.000 đồng. Bà Đ có nhờ bà N tham gia 02 dây hụi của người khác làm chủ hụi, gồm hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 12/8/2014 âm lịch, có 18 phần, do bà Đinh Thị C làm chủ hụi, bà Đ nhờ bà N tham gia 01 phần và hốt hụi ở lần khui đầu tiên, sau khi hốt bà Đ có gửi tiền đóng hụi chết được 08 lần, còn lại 09 lần bà N phải đóng thay nên bà Đ còn nợ bà N 9.000.000 đồng; Hụi tuần 300.000 đồng, mở ngày 14/6/2016 âm lịch, có 34 phần, do bà Huỳnh Thị Thu B làm chủ hụi, bà Đ nhờ bà N tham gia 01 phần và hốt hụi ở lần khui đầu tiên, sau khi hốt bà Đ có gửi tiền đóng hụi chết được 07 lần, còn lại 26 lần bà N phải đóng thay nên bà Đ còn nợ bà N 7.800.000 đồng. Cộng chung các khoản tiền hụi bà Đ còn nợ bà N là 69.700.000 đồng, sau đó bà Đ có trả cho bà N được 10.840.000 đồng, còn lại 58.860.000 đồng đến nay chưa trả. Ngoài ra bà Đ có vay nợ của bà N 5.000.000 đồng vào tháng 9/2014, với lãi suất 5%/tháng, nhưng từ ngày vay cho đến nay bà Đ không có trả lãi và vốn cho bà N. Trong đơn khởi kiện ban đầu, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ có trách nhiệm trả số tiền hụi là 58.860.000 đồng và tiền vay 5.000.000 đồng, nhưng sau đó bà N có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay (5.000.000 đồng); yêu cầu khởi kiện còn lại là buộc bà Đ trả số tiền hụi là 58.860.000 đồng, bao gồm tiền nợ của 05 dây hụi bà N làm chủ hụi là 42.060.000 đồng, tiền nợ của dây hụi bà C làm chủ hụi là 9.000.000 đồng và tiền nợ của dây hụi bà B làm chủ hụi là 7.800.000 đồng.

Bị đơn bà Ngô Thị Đ trình bày: Bà Đ thừa nhận trước đây giữa bà với bà Trần Thị Tuyết N có tham gia chơi hụi với nhau, trong nội dung khởi kiện của bà N đối với 05 dây hụi, bà Đ xác nhận là đúng và bà có tham gia đầy đủ các dây hụi nêu trên, bà Đ cho biết bà cũng còn nợ bà N một số dây hụi nhưng số nợ không đúng như bà N khởi kiện. Cụ thể là ở dây 1 bà còn nợ bà N 6.000.000 đồng (là đúng); dây 2 bà còn nợ bà N 4.000.000 đồng (là đúng); dây 3 bà chưa đóng hụi chết và còn nợ bà N 06 lần bằng số tiền 30.000.000 đồng (nhưng bà N cho rằng các lần đóng hụi bà đóng không đầy đủ nên còn nợ 36.500.000 đồng là không đúng); đối với các dây 4 và 5 thì bà Đ đã đóng đầy đủ tiền hụi chết cho bà N nên không còn nợ. Ngoài ra bà Đ cũng có nhờ bà N tham gia dùm 02 dây hụi do bà Đinh Thị C và bà Huỳnh Thị Thu B làm

chủ, nhưng khi bà N hốt hụi và cấn trừ thế nào thì bà không được biết, bà cũng đã đóng đầy đủ hụi chết cho đến ngày mãn hụi nên không còn nợ bà N. Đối với việc bà N cho rằng có cho bà Đ vay 5.000.000 đồng vào tháng 9/2014 là không có. Như vậy, theo nội dung khởi kiện của bà N thì bà Đ chỉ thừa nhận còn nợ bà N số tiền hụi của 05 dây hụi do bà N làm chủ mà bà N đã đóng thay là 40.000.000 đồng, không thừa nhận các khoản còn lại khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với 02 dây hụi mà bà N tham gia dùm bà Đ của chủ hụi bà C số tiền 9.000.000 đồng và chủ hụi bà B số tiền 7.800.000 đồng, đồng thời có thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với 05 dây hụi do bà N làm chủ hụi giảm bớt số tiền yêu cầu bà Đ phải trả từ 42.060.000 đồng xuống còn 40.000.000 đồng.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn, chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hụi giữa các bên đương sự thấy rằng cả bà N và bà Đ đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng góp hụi giữa các đương sự là hợp pháp.

[2] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn đòi bị đơn trả 63.860.000 đồng; nhưng sau đó có rút lại một phần để giảm bớt số tiền yêu cầu bị đơn phải trả, gồm khoản tiền cho vay là 5.000.000 đồng, tiền hụi của chủ hụi bà C là 9.000.000 đồng, tiền hụi của chủ hụi bà B là 7.800.000 đồng và thay đổi yêu cầu giảm 2.060.000 đồng tiền hụi của 05 dây hụi bà N làm chủ; xét thấy việc thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được xác nhận tại phiên tòa là do nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không có sự đe dọa hoặc ép buộc, đồng thời việc thay đổi rút một phần yêu cầu này là theo hướng có lợi cho bị đơn, vì đã giảm xuống số tiền yêu cầu bị đơn phải trả là 23.860.000 đồng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối phần yêu cầu đương sự đã rút, theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp trước đây Tòa án đã xác định là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản", nhưng khi xét xử, nguyên đơn đã rút phần yêu cầu đối với khoản tiền vay, nên được Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật cho chính xác là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại, nguyên đơn đòi bị đơn trả khoản tiền nợ hụi mà nguyên đơn đã đóng thay cho bị đơn của 05 dây hụi do nguyên đơn bà N làm chủ với số tiền 40.000.000 đồng, đã được bị đơn bà Đ thừa nhận còn nợ đúng số tiền này, nên đây là tình tiết không phải chứng minh của nguyên đơn. Xét về lỗi, bà Đ là

người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ không đóng tiền góp hụi cho bà N, bà N đã phải đóng thay cho bà Đ để duy trì các dây hụi; chính việc vi phạm nghĩa vụ của bà Đ đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà N. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bà Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà N số tiền hụi mà bà N đã góp thay là 40.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[5] Đối với ý kiến của bị đơn bà Đ cho rằng 02 dây hụi mà bà Đ nhờ bà N tham gia dùm của chủ hụi bà C và chủ hụi bà B chưa được tính toán cụ thể để xác định giữa bà Đ và bà N ai còn nợ ai, nhưng bà N đã rút lại yêu cầu khởi kiện đối với 02 dây hụi này, bà Đ thì không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 24 và 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ, và các Điều 29, 30 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút, về việc giảm bớt số tiền yêu cầu bị đơn phải trả là 23.860.000 đồng.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn; buộc bà Ngô Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Tuyết N số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Bà Ngô Thị Đ phải chịu án phí số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

3.2. Bà Trần Thị Tuyết N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 1.596.000 (một triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00015XX ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu